



Ngày minh họa: 21/10/2025

**TÀI LIỆU MINH HỌA BÁN HÀNG
CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG NGƯỜI TRỤ CỘT**

Sản phẩm bảo hiểm Liên kết chung của Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas

Nghệp vụ bảo hiểm: Bảo hiểm Liên kết đầu tư

CHÚC MỪNG, BẠN ĐÃ CÓ MỘT LỰA CHỌN SÁNG SUỐT!

Cảm ơn vì đã chọn MB Life là người đồng hành, bảo vệ cho cuộc sống của bạn.

Chúng tôi xin trân trọng kính gửi Quý khách hàng Tài liệu minh họa bán hàng (Tài liệu minh họa) của **SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG NGƯỜI TRỤ CỘT**. Trong tài liệu này, chúng tôi trình bày thông tin về sản phẩm, quyền lợi bảo hiểm và phí bảo hiểm. Quý khách hàng có thể kiểm tra toàn bộ các thông tin dưới đây và liên hệ Chuyên viên tư vấn trong trường hợp có bất kỳ yêu cầu chỉnh sửa nào, hoặc muốn lập một Tài liệu minh họa khác.

ĐẶC ĐIỂM NỔI BẬT

- **LINH HOẠT** thiết kế sản phẩm với quyền lợi và mức phí phù hợp
- **CÁC KHOẢN THUỞ** duy trì hợp đồng hấp dẫn
- **MIỄN PHÍ** rút tiền từ Giá trị tài khoản, miễn Phí ban đầu đối với Phí bảo hiểm đóng thêm, miễn Phí chấm dứt Hợp đồng trước hạn đối với Giá trị tài khoản đóng thêm, miễn Phí quản lý hợp đồng năm đầu tiên.

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ MB AGEAS

Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas hoạt động trong lĩnh vực Bảo hiểm Nhân thọ, Bảo hiểm sức khỏe và Đầu tư tài chính theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 74/GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 21/7/2016. Vốn điều lệ: 1500 tỷ đồng. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 15, Tòa nhà 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội. Điện thoại: (+84) 24 222 9 6666; Fax: (+84) 24 626 9 8080. Website: www.mblife.vn.

1.2. THÔNG TIN TƯ VẤN VIÊN/ĐẠI LÝ

Tên Chuyên viên tư vấn/Đại lý bảo hiểm cá nhân (Mã số đại lý)	Dummy Digital (2250000017)
Số chứng chỉ của Đại lý cá nhân	1753877527022
Điện thoại	0909999999
Email	abc@mblife.vn

Tên của Đại lý tổ chức	NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI (MB)
Địa chỉ của Đại lý tổ chức	Số 18 Lê Văn Lương, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
Nội dung được ủy quyền theo Hợp đồng đại lý	<i>Tư vấn sản phẩm bảo hiểm; giới thiệu sản phẩm bảo hiểm; chào bán sản phẩm bảo hiểm; thu xếp việc giao kết hợp đồng bảo hiểm. Phạm vi ủy quyền có thể được điều chỉnh theo thỏa thuận giữa DNBH và Đại lý bảo hiểm tại từng thời điểm</i>
Tên (Mã số đại lý) của nhân viên/Chuyên viên tư vấn của Đại lý tổ chức thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm	
Số chứng chỉ đại lý bảo hiểm của nhân viên/Chuyên viên tư vấn của Đại lý tổ chức thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm	

1.3. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

Bên mua bảo hiểm

	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Tuổi bắt đầu bảo hiểm	Số giấy tờ tùy thân	Nhóm nghề
Bên mua bảo hiểm	Lê Văn A	Nam	01/09/1985	40		1

Người được bảo hiểm

Người được bảo hiểm (NĐBH)	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Tuổi bắt đầu bảo hiểm	Số giấy tờ tùy thân	Nhóm nghề
Người được bảo hiểm chính	Lê Văn A	Nam	01/09/1985	40		1

1.4. THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

Định kỳ đóng phí: Năm

Lựa chọn Quyền lợi bảo hiểm: Quyền lợi Cơ bản
Đơn vị: đồng

STT	Tên sản phẩm	Người được bảo hiểm	Thời hạn bảo hiểm (năm) ⁽¹⁾	Thời hạn Đóng phí dự kiến (năm) ⁽²⁾	Số tiền bảo hiểm (STBH)	Phí bảo hiểm định kỳ ⁽³⁾
Sản phẩm chính						
1	Sản phẩm Bảo hiểm Liên kết chung Người trụ cột	Lê Văn A	35	15	600.000.000	30.000.000
Sản phẩm bán kèm						

1	Sản phẩm Bảo hiểm Bệnh lý nghiêm trọng - Bản Nâng cao	Lê Văn A	Thời hạn bảo hiểm là 5 năm và có thể tái tục trong Thời hạn tham gia 30 năm	Bảng thời hạn bảo hiểm	300.000.000	1.942.000
2	Sản phẩm Bảo hiểm Hỗ trợ viện phí và chi phí phẫu thuật	Lê Văn A	Tái tục hàng năm đến hết Tuổi bảo hiểm 74	Bảng thời hạn bảo hiểm	500.000	1.725.000
Tổng phí bảo hiểm định kỳ của Hợp đồng						33.667.000

Phí bảo hiểm theo các Định kỳ đóng phí	Năm	Nửa năm	Quý
Phí bảo hiểm định kỳ của Sản phẩm Bảo hiểm Liên kết chung Người trụ cột (a)	30.000.000	15.000.000	7.500.000
Tổng phí bảo hiểm định kỳ của (các) Sản phẩm bán kèm (b)	3.667.000	1.943.000	1.027.000
Phí bảo hiểm định kỳ của Hợp đồng (c) = (a) + (b)	33.667.000	16.943.000	8.527.000
Phí bảo hiểm đóng thêm của kỳ đầu tiên (d)	-	-	-
Tổng phí bảo hiểm định kỳ của Hợp đồng và Phí đóng thêm (e) = (c) + (d)	33.667.000	16.943.000	8.527.000

Lưu ý:

- Trong trường hợp thay đổi Định kỳ đóng phí, Phí bảo hiểm định kỳ của Sản phẩm Bảo hiểm Liên kết chung Người trụ cột (a) và Tổng phí bảo hiểm định kỳ của (các) Sản phẩm bán kèm (b) (nếu có) có thể bị lệch một vài nghìn đồng do phương pháp làm tròn.
- Phí bảo hiểm định kỳ của (các) Sản phẩm bán kèm được tính theo Phương pháp thẩm định đầy đủ.

Ghi chú:

- Phí bảo hiểm cơ bản của SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG NGƯỜI TRỤ CỘT bằng 30.000.000 đồng, giả định rằng Phí bảo hiểm cơ bản của SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG NGƯỜI TRỤ CỘT không thay đổi trong suốt Thời hạn Hợp đồng.
- (1) Thời hạn Hợp đồng của SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG NGƯỜI TRỤ CỘT là bằng Thời hạn bảo hiểm.
- (2) Đối với SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG NGƯỜI TRỤ CỘT, Thời hạn đóng phí dự kiến do Khách hàng lựa chọn được sử dụng để thể hiện dòng tiền trong Tài liệu minh họa. Thời hạn đóng phí bảo hiểm bắt buộc là 3 Năm hợp đồng đầu tiên, và có thể linh hoạt đóng Phí bảo hiểm trong các Năm hợp đồng tiếp theo đến hết Thời hạn bảo hiểm.
- (3) Đối với (các) sản phẩm bán kèm Sản phẩm Bảo hiểm Bệnh lý nghiêm trọng, Sản phẩm Bảo hiểm Hỗ trợ viện phí và chi phí phẫu thuật, mức phí thể hiện ở Phần này là mức áp dụng cho Năm Hợp đồng đầu tiên. Chi tiết Phí bảo hiểm định kỳ theo Năm hợp đồng được minh họa ở Phần PHÍ BẢO HIỂM (DỰ KIẾN) CỦA SẢN PHẨM BÁN KÈM tại Mục 7.
- Tài liệu minh họa sau Thời hạn đóng phí dự kiến của SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG NGƯỜI TRỤ CỘT theo các giả định:
 - (i) Bên mua bảo hiểm đóng đầy đủ phí BH định kỳ của SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG NGƯỜI TRỤ CỘT, và (các) Sản phẩm bán kèm trong Thời hạn đóng phí dự kiến, và
 - (ii) Sau thời gian đóng phí dự kiến, BMBH ngừng đóng phí BH định kỳ của SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG NGƯỜI TRỤ CỘT và Bên mua bảo hiểm đồng ý rút tiền từ Giá trị tài khoản để đóng Phí bảo hiểm đến hạn của (các) Sản phẩm bán kèm.

2. THÔNG TIN CHI TIẾT HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

2.1. QUYỀN LỢI CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG NGƯỜI TRỤ CỘT CHO NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM CHÍNH

Quyền lợi		Chú thích
QUYỀN LỢI BẢO HIỂM RỦI RO	Quyền lợi bảo hiểm Tử vong hoặc Thương tật toàn bộ vĩnh viễn (TTTBVV) (*)	QLBH Tử vong hoặc TTTBVV: Quyền lợi Cơ bản - Quyền lợi bảo hiểm Tử vong: Nếu Người được bảo hiểm bị Tử vong khi Hợp đồng đang có hiệu lực, trả giá trị lớn hơn giữa Giá trị tài khoản cơ bản và Số tiền bảo hiểm (STBH), cộng với Giá trị tài khoản đóng thêm, trừ đi Khoản nợ (nếu có). - Quyền lợi bảo hiểm TTTBVV: Nếu Người được bảo hiểm bị TTTBVV trước Ngày kỷ niệm Năm hợp đồng khi NĐBH đạt 70 tuổi: + Trường hợp TTTBVV do ung thư tuyến giáp thể biệt hóa thỏa định nghĩa TTTBVV: Trả 60.000.000 đồng + Trường hợp TTTBVV khác: Trả giá trị lớn hơn giữa Giá trị tài khoản cơ bản và Số tiền bảo hiểm (STBH), cộng với Giá trị tài khoản đóng thêm, trừ đi Khoản nợ (nếu có). Trong đó: - Số tiền bảo hiểm: 600.000.000 đồng (**). - Giá trị tài khoản cơ bản, Giá trị tài khoản đóng thêm được xác định tại thời điểm xảy ra Sự kiện bảo hiểm.

QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ

Hưởng lãi từ kết quả đầu tư của Quỹ Liên kết chung

Thưởng duy trì Hợp đồng

Với điều kiện Hợp đồng đang có hiệu lực, Giá trị tài khoản (GTTK) được tích lũy hàng tháng với mức Lãi suất tích lũy không thấp hơn Lãi suất cam kết tối thiểu tại từng Năm Hợp đồng như sau:

Năm Hợp đồng	1	2	3	Từ 4 đến 5	Từ 6 đến 10	Từ 11 đến 15	Từ 16 trở đi
Lãi suất cam kết tối thiểu	3,5%	3,0%	3,0%	2,5%	2,0%	1,0%	0,5%

Lưu ý: Mức Lãi suất minh họa (5,5%/năm cho 20 Năm Hợp đồng đầu tiên và 0,5%/năm cho Năm Hợp đồng 21 trở đi) được sử dụng trong tài liệu này chỉ mang tính chất tham khảo và không có ý nghĩa là mức lãi suất này được đảm bảo cho khách hàng trong tương lai, mức Lãi suất tích lũy thực tế có thể cao hơn hoặc thấp hơn Lãi suất minh họa do phụ thuộc vào kết quả đầu tư thực tế của Quỹ liên kết chung, nhưng không thấp hơn Lãi suất cam kết tối thiểu.

Nếu Hợp đồng thỏa mãn Điều kiện nhận thưởng thì Khách hàng sẽ được nhận (các) khoản thưởng, cộng trực tiếp vào Giá trị tài khoản đóng thêm:

Quyền lợi Thưởng duy trì Hợp đồng định kỳ: Chi trả vào các Ngày kỷ niệm năm Hợp đồng thứ 10 và mỗi 5 năm sau đó nhưng không vượt quá Ngày đáo hạn Hợp đồng, được xác định bằng % Phí bảo hiểm cơ bản của Năm hợp đồng đầu tiên.

Ngày kỷ niệm năm hợp đồng	Năm thứ 10	Năm thứ 15	Năm thứ 20	Năm thứ 25	Năm thứ 30 và mỗi 05 năm sau đó
% Phí bảo hiểm cơ bản của Năm hợp đồng đầu tiên	10%	20%	30%	40%	50%

Điều kiện nhận thưởng:

Hợp đồng đang có hiệu lực tại Ngày đến hạn trả thưởng; và

Hợp đồng chưa từng bị mất hiệu lực do không đóng Phí bảo hiểm tại bất kỳ thời điểm nào; và

Trong Thời hạn xét thưởng liền trước Ngày đến hạn trả Quyền lợi này:

Hợp đồng không có bất kỳ giao dịch rút tiền nào từ Giá trị tài khoản cơ bản trừ giao dịch đóng Phí bảo hiểm của các sản phẩm bán kèm (nếu có); và

		Quyền lợi Thường duy trì Hợp đồng đặc biệt: Chi trả tại Ngày đáo hạn Hợp đồng hoặc ngày xảy ra Sự kiện bảo hiểm (TTTBVV không do Ung thư tuyến giáp thể biệt hóa thỏa mãn định nghĩa TTTBVV hoặc Tử vong), tùy theo thời điểm xảy ra Sự kiện bảo hiểm. <table><tr><td>Thời hạn hợp đồng (Năm)/ Năm Hợp đồng xảy ra Sự kiện bảo hiểm</td><td>Từ 10 đến 14</td><td>Từ 15 đến 19</td><td>Từ 20 đến 24</td><td>Từ 25 đến 29</td><td>Từ 30 trở đi</td></tr><tr><td>% Phí bảo hiểm cơ bản của Năm hợp đồng đầu tiên</td><td>10%</td><td>20%</td><td>30%</td><td>40%</td><td>50%</td></tr></table>	Thời hạn hợp đồng (Năm)/ Năm Hợp đồng xảy ra Sự kiện bảo hiểm	Từ 10 đến 14	Từ 15 đến 19	Từ 20 đến 24	Từ 25 đến 29	Từ 30 trở đi	% Phí bảo hiểm cơ bản của Năm hợp đồng đầu tiên	10%	20%	30%	40%	50%	✓ Trong 05 (năm) Năm Hợp đồng đầu tiên, Phí bảo hiểm định kỳ của mỗi Năm Hợp đồng đã được đóng đầy đủ. ✓ Phí bảo hiểm cơ bản chưa từng được giảm theo yêu cầu của Bên mua bảo hiểm trong 05 (năm) Năm Hợp đồng đầu tiên. Trong đó, Thời hạn xét thưởng được xác định như sau: ✓ Với Quyền lợi Thường duy trì Hợp đồng định kỳ: 10 (mười) Năm Hợp đồng đầu tiên và mỗi 05 (năm) Năm Hợp đồng sau đó. ✓ Với Quyền lợi Thường duy trì Hợp đồng đặc biệt: Từ Ngày hiệu lực Hợp đồng đến Ngày đến hạn trả thưởng.
Thời hạn hợp đồng (Năm)/ Năm Hợp đồng xảy ra Sự kiện bảo hiểm	Từ 10 đến 14	Từ 15 đến 19	Từ 20 đến 24	Từ 25 đến 29	Từ 30 trở đi										
% Phí bảo hiểm cơ bản của Năm hợp đồng đầu tiên	10%	20%	30%	40%	50%										
	Quyền lợi đáo hạn	- Trả Giá trị tài khoản tại Ngày đáo hạn Hợp đồng. - Nếu Bên mua bảo hiểm đóng Phí bảo hiểm đầy đủ, đúng hạn trong Thời hạn đóng phí dự kiến: ✓ Giá trị tài khoản ở mức Lãi suất minh họa tại Ngày đáo hạn Hợp đồng: 700.595.000 đồng ✓ Giá trị tài khoản ở mức Lãi suất cam kết tại Ngày đáo hạn Hợp đồng: 228.445.000 đồng													
CÁC QUYỀN LỢI KHÁC	Quyền lợi Sống An (**)	- Tại Ngày kỷ niệm Năm Hợp đồng khi Người được bảo hiểm đạt 66 tuổi hoặc Ngày kỷ niệm Năm Hợp đồng thứ 20, tùy theo thời điểm nào đến sau: Trả 90.000.000 vào Giá trị tài khoản đóng thêm. - Sau khi Quyền lợi này được chi trả, Số tiền bảo hiểm sẽ được điều chỉnh giảm tương ứng.													

(*) Trường hợp Người được bảo hiểm dưới 4 tuổi, Quyền lợi bảo hiểm sẽ được điều chỉnh theo quy định tại Quy tắc, Điều khoản sản phẩm.

(**) Giả định rằng STBH không đổi trong suốt Thời hạn hợp đồng.

2.2. QUYỀN LỢI CỦA (CÁC) SẢN PHẨM BÁN KÈM VỚI SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG NGƯỜI TRỤ CỘT

Sản phẩm	Quyền lợi	Chú thích
Sản phẩm bảo hiểm cho Người được bảo hiểm chính: Lê Văn A		

Sản phẩm Bảo hiểm Bệnh lý nghiêm trọng - Bản Nâng cao	Quyền lợi bảo hiểm Bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn sau	- Chi trả trong trường hợp Người được bảo hiểm được chẩn đoán mắc bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn sau (<i>danh sách bệnh lý nghiêm trọng được quy định cụ thể trong điều khoản sản phẩm</i>) - Giới hạn chi trả: Trả 300.000.000 đồng, sau khi trừ đi tổng QLBH BLNT giai đoạn giữa và QLBH BLNT giai đoạn sớm đã trả (nếu có) cho các BLNT thuộc cùng Nhóm bệnh, tối đa 02 lần cho 02 bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn sau thuộc 02 Nhóm bệnh khác nhau. - Khoảng thời gian tối thiểu giữa các lần chẩn đoán mắc bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn sau là 12 tháng.
	Quyền lợi Bảo hiểm Bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn giữa	- Chi trả trong trường hợp Người được bảo hiểm được chẩn đoán mắc bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn giữa (<i>danh sách bệnh lý nghiêm trọng được quy định cụ thể trong điều khoản sản phẩm</i>) - Giới hạn chi trả: Trả 150.000.000 đồng, sau khi trừ đi tổng QLBH BLNT giai đoạn sớm đã trả (nếu có) cho BLNT thuộc cùng Nhóm bệnh, tối đa 02 lần cho 02 bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn giữa thuộc 02 Nhóm bệnh khác nhau.
	Quyền lợi bảo hiểm Bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn sớm	- Chi trả trong trường hợp Người được bảo hiểm được chẩn đoán mắc bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn sớm (<i>danh sách bệnh lý nghiêm trọng được quy định cụ thể trong điều khoản sản phẩm</i>) - Giới hạn chi trả: Trả 75.000.000 đồng, tối đa 04 lần cho 04 bệnh lý nghiêm trọng giai đoạn sớm thuộc 04 Nhóm bệnh khác nhau.
	Quyền lợi bảo hiểm Bệnh lý nghiêm trọng theo giới tính	- Chi trả trong trường hợp Người được bảo hiểm được chẩn đoán mắc những bệnh ung thư nghiêm trọng theo giới tính (<i>danh sách bệnh lý nghiêm trọng theo giới tính được quy định cụ thể trong điều khoản sản phẩm</i>) - Giới hạn chi trả: Trả 75.000.000 đồng, duy nhất 01 lần.
	Quyền lợi bảo hiểm Bệnh tiểu đường tuýp 2	- Chi trả trong trường hợp Người được bảo hiểm được chẩn đoán mắc Bệnh tiểu đường tuýp 2 và điều trị trong ít nhất 6 tháng. - Giới hạn chi trả: Trả 30.000.000 đồng, duy nhất 01 lần.
	Quyền lợi bảo hiểm Biến chứng của Bệnh tiểu đường	- Chi trả trong trường hợp Người được bảo hiểm được chẩn đoán gặp biến chứng Bệnh tiểu đường bao gồm: Cắt cụt chi, mắc Bệnh vông mạc tiểu đường, mắc Bệnh thận tiểu đường, Hôn mê do tăng áp lực thẩm thấu đường huyết (HHS). - Giới hạn chi trả: Trả 75.000.000 đồng, duy nhất 01 lần.

Sản phẩm Bảo hiểm Hỗ trợ viện phí và chi phí phẫu thuật	Quyền lợi Hỗ trợ viện phí nội trú	Quyền lợi Hỗ trợ viện phí nội trú bao gồm: • Quyền lợi Hỗ trợ viện phí nội trú cơ bản - Chi trả khi Người được bảo hiểm phải nằm viện. - Giới hạn chi trả: Trả 500.000 đồng cho mỗi Ngày nằm viện • Quyền lợi Hỗ trợ viện phí điều trị tại Đơn vị điều trị tích cực (ICU) - Chi trả thêm khi Người được bảo hiểm phải nằm viện tại Đơn vị điều trị tích cực (ICU). - Giới hạn chi trả: Trả thêm 500.000 đồng cho mỗi Ngày nằm viện tại Đơn vị điều trị tích cực (ICU). - MB Life không chi trả Quyền lợi này nếu Ngày nằm viện tương ứng tại Đơn vị điều trị tích cực (ICU) thuộc thời gian điều trị được chi trả Quyền lợi Hỗ trợ viện phí điều trị Bệnh hiểm nghèo. • Quyền lợi Hỗ trợ viện phí điều trị Bệnh hiểm nghèo - Chi trả thêm khi Người được bảo hiểm được chỉ định nằm viện với mục đích điều trị Bệnh hiểm nghèo (<i>Danh sách Bệnh hiểm nghèo được quy định cụ thể tại Phụ lục 1 đính kèm Quy tắc và điều khoản sản phẩm</i>). - Giới hạn chi trả: Trả thêm 1.000.000 đồng cho mỗi Ngày nằm viện điều trị Bệnh hiểm nghèo. Ngoài ra, giới hạn tối đa của Quyền lợi Hỗ trợ viện phí nội trú bao gồm: - Số Ngày nằm viện tại Cơ sở y tế đủ tiêu chuẩn được chi trả cho Cùng một lần nằm viện đối với từng Nhóm bệnh không vượt quá Số ngày nằm viện tối đa được chi trả (<i>danh sách Nhóm bệnh và Số ngày nằm viện tối đa được chi trả cho Cùng một lần nằm viện được quy định cụ thể tại Phụ lục 4 đính kèm Quy tắc và điều khoản sản phẩm</i>). - Chi trả tối đa 150 Ngày nằm viện trong mỗi Thời hạn bảo hiểm và tối đa 1000 Ngày nằm viện trong suốt Thời hạn tham gia.
	Quyền lợi Thay lời thăm hỏi	- Giới hạn chi trả: Trả 500.000 đồng cho mỗi lần Người được bảo hiểm nằm viện từ 8 ngày liên tục trở lên. Quyền lợi này được chi trả 01 lần duy nhất trong mỗi Thời hạn bảo hiểm.
	Quyền lợi Hỗ trợ chi phí phẫu thuật cơ bản	- Giới hạn chi trả: Trả 5.000.000 đồng cho mỗi lần Phẫu thuật. Quyền lợi này được chi trả tối đa 02 lần trong mỗi Thời hạn bảo hiểm.
	Quyền lợi Hỗ trợ chi phí phẫu thuật nâng cao	- Chi trả trong trường hợp Người được bảo hiểm thực hiện các Phẫu thuật nâng cao (<i>Bảng chi trả chi phí phẫu thuật nâng cao được quy định cụ thể tại Phụ lục 2 đính kèm Quy tắc và điều khoản sản phẩm</i>) - Giới hạn chi trả: Trả giá trị nhỏ hơn giữa mức quy định theo <i>Bảng chi trả chi phí phẫu thuật nâng cao</i> và 250.000.000 đồng trừ đi Tổng chi phí Phẫu thuật nâng cao đã chi trả trong suốt Thời hạn tham gia. - Chấm dứt Quyền lợi bảo hiểm: Khi chi trả hết 250.000.000 đồng cho Quyền lợi này trong suốt Thời hạn tham gia.

2.3. CÁC ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ TRÁCH NHIỆM BẢO HIỂM

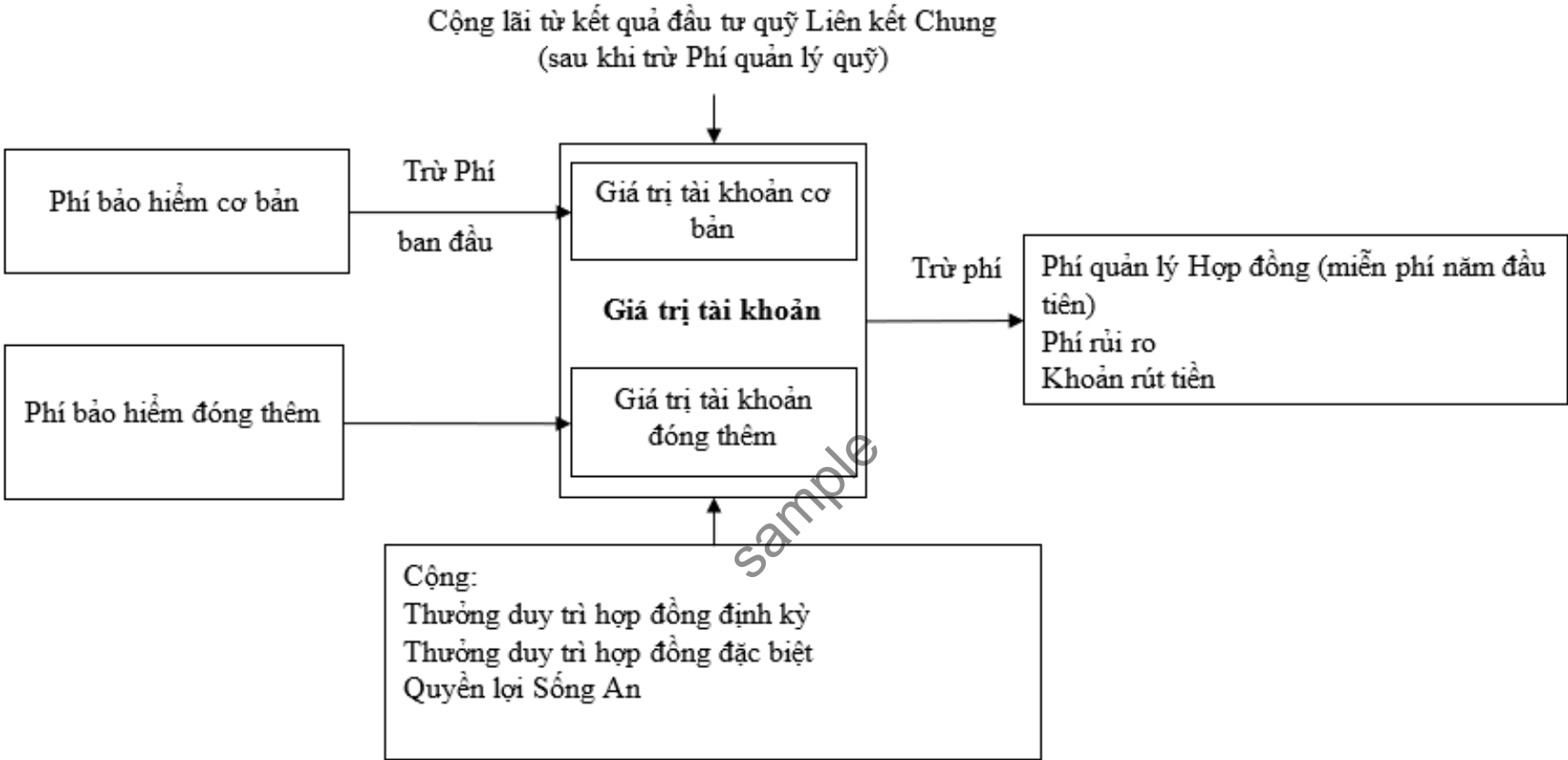
Điều khoản Loại trừ trách nhiệm bảo hiểm được quy định chi tiết tại Quy tắc, điều khoản sản phẩm tương ứng như sau:

STT	Tên sản phẩm	Quy định về Loại trừ trách nhiệm bảo hiểm tại Quy tắc, Điều khoản sản phẩm
1	SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG NGƯỜI TRỤ CỘT	Điều 16
2	Sản phẩm Bảo hiểm Bệnh lý nghiêm trọng	Đối với Bản Trẻ em - Điều 14 Đối với Bản Tiêu chuẩn - Điều 13 Đối với Bản Nâng cao - Điều 13
3	Sản phẩm Bảo hiểm Hỗ trợ viện phí và chi phí phẫu thuật	Điều 8

Khách hàng vui lòng tham khảo Quy tắc, điều khoản các sản phẩm được đăng tải trên website của MB Life (www.mblife.vn).

3. CÁCH THỨC HOẠT ĐỘNG VÀ CÁC LOẠI CHI PHÍ CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG NGƯỜI TRỤ CỘT

3.1. Cách thức hoạt động của sản phẩm



3.1.1. Phí đem đi đầu tư

- Phí bảo hiểm cơ bản, Phí bảo hiểm định kỳ: Được quy định chi tiết tại Mục 1.4.
- Phí bảo hiểm phân bổ (Phí bảo hiểm đem đi đầu tư): là phần còn lại của Phí bảo hiểm định kỳ sau khi trừ đi Phí ban đầu, được phân bổ vào Giá trị tài khoản cơ bản.

3.1.2. Các khoản phí tính cho Bên mua bảo hiểm

- **Phí ban đầu:**
 - ✓ Đối với Phí bảo hiểm định kỳ: Phí ban đầu được xác định theo tỷ lệ % Phí bảo hiểm định kỳ tương ứng đóng cho mỗi Năm Đóng phí như sau:

Năm Đóng phí	1	2	3	4	5	Từ năm 6 trở đi
% Phí bảo hiểm định kỳ	45%	25%	20%	20%	20%	0%

- ✓ Đối với Phí bảo hiểm đóng thêm: Phí ban đầu được xác định bằng 0%.
- **Phí quản lý hợp đồng:** Phí quản lý hợp đồng là 35.000 đồng/tháng, được miễn trong Năm Hợp đồng đầu tiên và có thể được điều chỉnh theo tỷ lệ lạm phát do Chính phủ công bố, nhưng không vượt quá 60.000 đồng/ tháng hoặc mức tối đa khác sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận.
- **Phí quản lý Quỹ:** được khấu trừ trước khi MB Life công bố lãi suất tích lũy, Phí quản lý Quỹ tối đa là 2%/năm tính trên giá trị tài khoản đầu tư của Quỹ liên kết chung và có thể thay đổi sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận.
- **Phí rủi ro:** Phí rủi ro được xác định theo Quyền lợi bảo hiểm rủi ro và tỷ lệ Phí rủi ro, phù hợp với tuổi, giới tính, nghề nghiệp, tình trạng sức khỏe của Người được bảo hiểm và các quy định đánh giá rủi ro của MB Life. Tỷ lệ Phí rủi ro có thể thay đổi sau khi được Bộ Tài chính chấp thuận.
- **Phí chấm dứt Hợp đồng trước hạn**
 - ✓ Đối với Giá trị tài khoản đóng thêm: Miễn Phí chấm dứt Hợp đồng trước hạn
 - ✓ Đối với Giá trị tài khoản cơ bản: phụ thuộc vào thời điểm chấm dứt Hợp đồng và được xác định theo tỷ lệ của Giá trị tài khoản cơ bản như sau:

Năm Hợp đồng	1	2	3	4	5	Từ 6 trở đi
% Giá trị tài khoản cơ bản	100%	100%	30%	12%	6%	0%

3.2. HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT CHUNG

3.2.1. Thông tin về Quỹ Liên kết chung

- Quỹ liên kết chung (“Quỹ”): được hình thành từ Phí bảo hiểm phân bổ của tất cả các Hợp đồng bảo hiểm liên kết chung do MB Life phát hành. Trong đó, Phí bảo hiểm phân bổ là Phần còn lại của phí bảo hiểm (Phí bảo hiểm cơ bản và Phí bảo hiểm đóng thêm) sau khi khấu trừ Phí ban đầu.
- Mục tiêu đầu tư của Quỹ là nhằm đạt được lợi nhuận đầu tư ổn định và sinh lời với khả năng thanh khoản cao.
- Chính sách đầu tư:
Tập trung chủ yếu vào trái phiếu Kho bạc Nhà nước, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, chứng khoán có thu nhập cố định, các công cụ của thị trường tiền tệ và các kênh đầu tư khác.
MB Life có toàn quyền quyết định chính sách đầu tư và phương thức quản lý Quỹ phù hợp với quy định của pháp luật, và toàn quyền ủy thác quyền quyết định đầu tư này cho bất kỳ cá nhân hay tổ chức phù hợp với các điều kiện theo quy định của MB Life.
Vui lòng tham khảo nội dung chi tiết tại Khoản 1.38 của Quy tắc, Điều khoản sản phẩm.

3.2.2. Lãi suất công bố của MB Life

Năm	Tỉ lệ Phí quản lý Quỹ bình quân/năm	Lãi suất/năm
2020	0,98%	6,0%
2021	0,39%	6,0%
2022	0,87%	Từ 4,5% đến 6,0%
2023	1,6%	Từ 4,5% đến 5,5%
2024	1,4%	Từ 4,8% đến 5,5%

Vui lòng tham khảo các thông tin về Quỹ liên kết chung và Lãi suất công bố được cập nhật định kỳ tại www.mblife.vn/thong-tin-quy/quy-lien-ket-chung.

4. MINH HẠ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM TRONG TRƯỜNG HỢP ĐÓNG ĐỦ PHÍ BẢO HIỂM THEO THỜI HẠN ĐÓNG PHÍ DỰ KIẾN

4.1. Minh họa phân bổ Phí bảo hiểm và các khoản phí khác theo Thời hạn đóng phí dự kiến

Đơn vị: nghìn đồng

Năm HD	Phí bảo hiểm được đóng			Phí ban đầu			Phí bảo hiểm phân bổ (Phí bảo hiểm đem đi đầu tư)			Phí quản lý Hợp đồng	Phí rủi ro (RR)	
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng Phí bảo hiểm	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí ban đầu	Phí BH phân bổ vào Giá trị tài khoản cơ bản	Phí BH phân bổ vào Giá trị tài khoản đóng thêm	Tổng Phí bảo hiểm phân bổ		Lãi suất cam kết	Lãi suất minh họa
1	30.000	-	30.000	13.500	-	13.500	16.500	-	16.500	-	1.471	1.471
2	30.000	-	30.000	7.500	-	7.500	22.500	-	22.500	420	1.541	1.539
3	30.000	-	30.000	6.000	-	6.000	24.000	-	24.000	420	1.600	1.595
4	30.000	-	30.000	6.000	-	6.000	24.000	-	24.000	420	1.658	1.645
5	30.000	-	30.000	6.000	-	6.000	24.000	-	24.000	420	1.718	1.693
6	30.000	-	30.000	-	-	-	30.000	-	30.000	420	1.739	1.696
7	30.000	-	30.000	-	-	-	30.000	-	30.000	420	1.760	1.688
8	30.000	-	30.000	-	-	-	30.000	-	30.000	420	1.758	1.648
9	30.000	-	30.000	-	-	-	30.000	-	30.000	420	1.748	1.585
10	30.000	-	30.000	-	-	-	30.000	-	30.000	420	1.721	1.490

Năm HD	Phí bảo hiểm được đóng			Phí ban đầu			Phí bảo hiểm phân bổ (Phí bảo hiểm đem đi đầu tư)			Phí quản lý Hợp đồng	Phí rủi ro (RR)	
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng Phí bảo hiểm	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí ban đầu	Phí BH phân bổ vào Giá trị tài khoản cơ bản	Phí BH phân bổ vào Giá trị tài khoản đóng thêm	Tổng Phí bảo hiểm phân bổ		Lãi suất cam kết	Lãi suất minh họa
11	30.000	-	30.000	-	-	-	30.000	-	30.000	420	1.684	1.356
12	30.000	-	30.000	-	-	-	30.000	-	30.000	420	1.645	1.180
13	30.000	-	30.000	-	-	-	30.000	-	30.000	420	1.587	945
14	30.000	-	30.000	-	-	-	30.000	-	30.000	420	1.508	636
15	30.000	-	30.000	-	-	-	30.000	-	30.000	420	1.397	233
16	-	-	-	-	-	-	-	-	-	420	1.521	27
17	-	-	-	-	-	-	-	-	-	420	1.746	-
18	-	-	-	-	-	-	-	-	-	420	2.003	-
19	-	-	-	-	-	-	-	-	-	420	2.293	-
20	-	-	-	-	-	-	-	-	-	420	2.626	-
21	-	-	-	-	-	-	-	-	-	420	2.960	-

Năm HD	Phí bảo hiểm được đóng			Phí ban đầu			Phí bảo hiểm phân bổ (Phí bảo hiểm đem đi đầu tư)			Phí quản lý Hợp đồng	Phí rủi ro (RR)	
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng Phí bảo hiểm	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí ban đầu	Phí BH phân bổ vào Giá trị tài khoản cơ bản	Phí BH phân bổ vào Giá trị tài khoản đóng thêm	Tổng Phí bảo hiểm phân bổ		Lãi suất cam kết	Lãi suất minh họa
22	-	-	-	-	-	-	-	-	-	420	3.469	-
23	-	-	-	-	-	-	-	-	-	420	4.080	-
24	-	-	-	-	-	-	-	-	-	420	4.796	-
25	-	-	-	-	-	-	-	-	-	420	5.638	-
26	-	-	-	-	-	-	-	-	-	420	6.528	-
27	-	-	-	-	-	-	-	-	-	420	5.179	-
28	-	-	-	-	-	-	-	-	-	420	5.765	-
29	-	-	-	-	-	-	-	-	-	420	6.426	-
30	-	-	-	-	-	-	-	-	-	420	7.211	-
31	-	-	-	-	-	-	-	-	-	420	8.114	-
32	-	-	-	-	-	-	-	-	-	420	9.189	-

Năm HD	Phí bảo hiểm được đóng			Phí ban đầu			Phí bảo hiểm phân bổ (Phí bảo hiểm đem đi đầu tư)			Phí quản lý Hợp đồng	Phí rủi ro (RR)	
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng Phí bảo hiểm	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí ban đầu	Phí BH phân bổ vào Giá trị tài khoản cơ bản	Phí BH phân bổ vào Giá trị tài khoản đóng thêm	Tổng Phí bảo hiểm phân bổ		Lãi suất cam kết	Lãi suất minh họa
33	-	-	-	-	-	-	-	-	-	420	10.671	-
34	-	-	-	-	-	-	-	-	-	420	12.557	-
35	-	-	-	-	-	-	-	-	-	420	14.822	-

4.2. Minh họa Quyền lợi bảo hiểm theo Thời hạn đóng phí dự kiến

4.2.1. Minh họa Quyền lợi ở mức Lãi suất cam kết

Đơn vị: nghìn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Tổng Phí bảo hiểm	Tổng Phí bảo hiểm phân bổ	Phí quản lý Hợp đồng	Phí RR của Sản phẩm Bảo hiểm Liên kết chung Người trụ cột	Khoản rút tiền		Quyền lợi tại Lãi suất cam kết (ĐẢM BẢO)				
						Rút tiền để đóng Phí BH của (các) Sản phẩm bán kèm	Rút tiền với mục đích khác	Quyền lợi bảo hiểm tử vong/ TTTBVV (*)	GTTK cơ bản	GTTK đóng thêm	Giá trị tài khoản	Giá trị hoàn lại
1	40	30.000	16.500	-	1.471	-	-	600.000	15.578	-	15.578	-
2	41	30.000	22.500	420	1.541	-	-	600.000	37.228	-	37.228	-
3	42	30.000	24.000	420	1.600	-	-	600.000	61.013	-	61.013	42.709
4	43	30.000	24.000	420	1.658	-	-	600.000	85.031	-	85.031	74.827
5	44	30.000	24.000	420	1.718	-	-	600.000	109.590	-	109.590	103.015
6	45	30.000	30.000	420	1.739	-	-	600.000	140.199	-	140.199	140.199
7	46	30.000	30.000	420	1.760	-	-	600.000	171.402	-	171.402	171.402
8	47	30.000	30.000	420	1.758	-	-	600.000	203.226	-	203.226	203.226
9	48	30.000	30.000	420	1.748	-	-	600.000	235.699	-	235.699	235.699
10	49	30.000	30.000	420	1.721	-	-	606.000	268.849	3.000	271.849	271.849
11	50	30.000	30.000	420	1.684	-	-	606.030	299.724	3.030	302.754	302.754

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Tổng Phí bảo hiểm	Tổng Phí bảo hiểm phân bổ	Phí quản lý Hợp đồng	Phí RR của Sản phẩm Bảo hiểm Liên kết chung Người trụ cột	Khoản rút tiền		Quyền lợi tại Lãi suất cam kết (ĐẢM BẢO)				
						Rút tiền để đóng Phí BH của (các) Sản phẩm bán kèm	Rút tiền với mục đích khác	Quyền lợi bảo hiểm tử vong/ TTTBVV (*)	GTTK cơ bản	GTTK đóng thêm	Giá trị tài khoản	Giá trị hoàn lại
12	51	30.000	30.000	420	1.645	-	-	606.060	330.943	3.060	334.003	334.003
13	52	30.000	30.000	420	1.587	-	-	606.091	362.534	3.091	365.625	365.625
14	53	30.000	30.000	420	1.508	-	-	606.122	394.521	3.122	397.643	397.643
15	54	30.000	30.000	420	1.397	-	-	615.153	426.942	9.153	436.095	436.095
16	55	-	-	420	1.521	9.626	-	606.000	426.654	-	426.654	426.654
17	56	-	-	420	1.746	9.626	-	606.000	416.942	-	416.942	416.942
18	57	-	-	420	2.003	9.626	-	606.000	406.923	-	406.923	406.923
19	58	-	-	420	2.293	9.626	-	606.000	396.564	-	396.564	396.564
20	59	-	-	420	2.626	9.626	-	618.000	385.818	9.000	394.818	394.818
21	60	-	-	420	2.960	14.876	-	609.000	378.452	-	378.452	378.452
22	61	-	-	420	3.469	14.876	-	609.000	361.495	-	361.495	361.495
23	62	-	-	420	4.080	14.876	-	609.000	343.841	-	343.841	343.841
24	63	-	-	420	4.796	14.876	-	609.000	325.379	-	325.379	325.379

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Tổng Phí bảo hiểm	Tổng Phí bảo hiểm phân bổ	Phí quản lý Hợp đồng	Phí RR của Sản phẩm Bảo hiểm Liên kết chung Người trụ cột	Khoản rút tiền		Quyền lợi tại Lãi suất cam kết (ĐẢM BẢO)				
						Rút tiền để đóng Phí BH của (các) Sản phẩm bán kèm	Rút tiền với mục đích khác	Quyền lợi bảo hiểm tử vong/ TTTBVV (*)	GTTK cơ bản	GTTK đóng thêm	Giá trị tài khoản	Giá trị hoàn lại
25	64	-	-	420	5.638	14.876	-	624.000	305.981	12.000	317.981	317.981
26	65	-	-	420	6.528	22.866	-	612.000	289.624	-	289.624	289.624
27	66	-	-	420	5.179	22.866	-	589.470	285.459	67.470	352.929	352.929
28	67	-	-	420	5.765	22.866	-	566.827	280.683	44.827	325.510	325.510
29	68	-	-	420	6.426	22.866	-	544.071	275.223	22.071	297.294	297.293
30	69	-	-	420	7.211	22.866	-	540.000	268.148	15.000	283.148	283.148
31	70	-	-	420	8.114	6.650	-	533.392	260.933	8.392	269.325	269.324
32	71	-	-	420	9.189	6.650	-	526.750	252.602	1.750	254.352	254.352
33	72	-	-	420	10.671	6.650	-	525.000	237.820	-	237.820	237.820
34	73	-	-	420	12.557	6.650	-	525.000	219.314	-	219.314	219.314
35	74	-	-	420	14.822	6.650	-	540.000	198.445	30.000	228.445	228.445

(*) Quyền lợi tử vong/ TTTBVV trong minh họa không bao gồm quyền lợi TTTBVV do ung thư tuyến giáp thể biệt hóa.

4.2.2. Minh họa Quyền lợi ở mức Lãi suất minh họa

Đơn vị: nghìn đồng

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Tổng Phí bảo hiểm	Tổng Phí bảo hiểm phân bổ	Phí quản lý Hợp đồng	Phí RR của Sản phẩm Bảo hiểm Liên kết chung Người trụ cột	Khoản rút tiền		Quyền lợi tại Lãi suất minh họa (5,5%/năm cho 20 Năm HĐ đầu tiên, và 0,5%/năm từ Năm HĐ 21 trở đi) (KHÔNG ĐẢM BẢO)				
						Rút tiền để đóng Phí BH của (các) Sản phẩm bán kèm	Rút tiền với mục đích khác	Quyền lợi bảo hiểm tử vong/ TTTBVV (*)	GTTK cơ bản	GTTK đóng thêm	Giá trị tài khoản	Giá trị hoàn lại
1	40	30.000	16.500	-	1.471	-	-	600.000	15.893	-	15.893	-
2	41	30.000	22.500	420	1.539	-	-	600.000	38.488	-	38.488	-
3	42	30.000	24.000	420	1.595	-	-	600.000	63.853	-	63.853	44.697
4	43	30.000	24.000	420	1.645	-	-	600.000	90.556	-	90.556	79.689
5	44	30.000	24.000	420	1.693	-	-	600.000	118.681	-	118.681	111.560
6	45	30.000	30.000	420	1.696	-	-	600.000	154.680	-	154.680	154.680
7	46	30.000	30.000	420	1.688	-	-	600.000	192.673	-	192.673	192.673
8	47	30.000	30.000	420	1.648	-	-	600.000	232.784	-	232.784	232.784
9	48	30.000	30.000	420	1.585	-	-	600.000	275.173	-	275.173	275.173
10	49	30.000	30.000	420	1.490	-	-	606.000	319.991	3.000	322.991	322.991

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Tổng Phí bảo hiểm	Tổng Phí bảo hiểm phân bổ	Phí quản lý Hợp đồng	Phí RR của Sản phẩm Bảo hiểm Liên kết chung Người trụ cột	Khoản rút tiền		Quyền lợi tại Lãi suất minh họa (5,5%/năm cho 20 Năm HĐ đầu tiên, và 0,5%/năm từ Năm HĐ 21 trở đi) (KHÔNG ĐẢM BẢO)				
						Rút tiền để đóng Phí BH của (các) Sản phẩm bán kèm	Rút tiền với mục đích khác	Quyền lợi bảo hiểm tử vong/ TTTBVV (*)	GTTK cơ bản	GTTK đóng thêm	Giá trị tài khoản	Giá trị hoàn lại
11	50	30.000	30.000	420	1.356	-	-	606.165	367.423	3.165	370.588	370.588
12	51	30.000	30.000	420	1.180	-	-	606.339	417.621	3.339	420.960	420.960
13	52	30.000	30.000	420	945	-	-	606.523	470.834	3.523	474.357	474.357
14	53	30.000	30.000	420	636	-	-	606.716	527.292	3.716	531.008	531.008
15	54	30.000	30.000	420	233	-	-	615.921	587.286	9.921	597.207	597.207
16	55	-	-	420	27	9.626	-	625.419	619.108	311	619.419	619.419
17	56	-	-	420	-	9.626	-	648.900	642.900	-	642.900	642.900
18	57	-	-	420	-	9.626	-	673.671	667.671	-	667.671	667.671
19	58	-	-	420	-	9.626	-	699.825	693.825	-	693.825	693.825
20	59	-	-	420	-	9.626	-	739.377	721.377	9.000	730.377	730.377
21	60	-	-	420	-	14.876	-	727.657	718.657	-	718.657	718.657

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Tổng Phí bảo hiểm	Tổng Phí bảo hiểm phân bổ	Phí quản lý Hợp đồng	Phí RR của Sản phẩm Bảo hiểm Liên kết chung Người trụ cột	Khoản rút tiền		Quyền lợi tại Lãi suất minh họa (5,5%/năm cho 20 Năm HĐ đầu tiên, và 0,5%/năm từ Năm HĐ 21 trở đi) (KHÔNG ĐẢM BẢO)				
						Rút tiền để đóng Phí BH của (các) Sản phẩm bán kèm	Rút tiền với mục đích khác	Quyền lợi bảo hiểm tử vong/ TTTBVV (*)	GTTK cơ bản	GTTK đóng thêm	Giá trị tài khoản	Giá trị hoàn lại
22	61	-	-	420	-	14.876	-	715.879	706.879	-	706.879	706.879
23	62	-	-	420	-	14.876	-	704.044	695.044	-	695.044	695.044
24	63	-	-	420	-	14.876	-	692.146	683.146	-	683.146	683.146
25	64	-	-	420	-	14.876	-	695.190	671.190	12.000	683.190	683.190
26	65	-	-	420	-	22.866	-	675.205	663.205	-	663.205	663.205
27	66	-	-	420	-	22.866	-	745.571	666.101	67.470	733.571	733.571
28	67	-	-	420	-	22.866	-	725.836	669.009	44.827	713.836	713.836
29	68	-	-	420	-	22.866	-	706.003	671.933	22.071	694.004	694.003
30	69	-	-	420	-	22.866	-	704.072	674.072	15.000	689.072	689.072
31	70	-	-	420	-	6.650	-	700.415	677.023	8.392	685.415	685.415
32	71	-	-	420	-	6.650	-	696.735	679.985	1.750	681.735	681.735

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Tổng Phí bảo hiểm	Tổng Phí bảo hiểm phân bổ	Phí quản lý Hợp đồng	Phí RR của Sản phẩm Bảo hiểm Liên kết chung Người trụ cột	Khoản rút tiền		Quyền lợi tại Lãi suất minh họa (5,5%/năm cho 20 Năm HĐ đầu tiên, và 0,5%/năm từ Năm HĐ 21 trở đi) (KHÔNG ĐẢM BẢO)				
						Rút tiền để đóng Phí BH của (các) Sản phẩm bán kèm	Rút tiền với mục đích khác	Quyền lợi bảo hiểm tử vong/ TTTBVV (*)	GTTK cơ bản	GTTK đóng thêm	Giá trị tài khoản	Giá trị hoàn lại
33	72	-	-	420	-	6.650	-	693.040	678.040	-	678.040	678.040
34	73	-	-	420	-	6.650	-	689.326	674.326	-	674.326	674.326
35	74	-	-	420	-	6.650	-	700.595	670.595	30.000	700.595	700.595

(*) Quyền lợi tử vong/ TTTBVV trong minh họa không bao gồm quyền lợi TTTBVV do ung thư tuyến giáp thể biệt hóa.

5. MINH HỌA HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM TRONG TRƯỜNG HỢP CHỈ ĐÓNG ĐỦ PHÍ CHO THỜI HẠN ĐÓNG PHÍ BẮT BUỘC (3 NĂM HỢP ĐỒNG ĐẦU TIÊN)

5.1. Minh họa phân bổ Phí bảo hiểm và các khoản phí khác theo Thời hạn đóng phí bắt buộc

Đơn vị: nghìn đồng

Năm HĐ	Phí bảo hiểm được đóng			Phí ban đầu			Phí bảo hiểm phân bổ (Phí bảo hiểm đem đi đầu tư)			Phí quản lý Hợp đồng	Phí rủi ro (RR)	
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí bảo hiểm	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí ban đầu	Phí BH phân bổ vào Giá trị tài khoản cơ bản	Phí BH phân bổ vào Giá trị tài khoản đóng thêm	Tổng Phí bảo hiểm phân bổ		Lãi suất cam kết	Lãi suất minh họa
1	30.000	-	30.000	13.500	-	13.500	16.500	-	16.500	-	1.471	1.471
2	30.000	-	30.000	7.500	-	7.500	22.500	-	22.500	420	1.541	1.539
3	30.000	-	30.000	6.000	-	6.000	24.000	-	24.000	420	1.600	1.595
4	-	-	-	-	-	-	-	-	-	420	1.747	1.736
5	-	-	-	-	-	-	-	-	-	420	1.915	1.896
6	-	-	-	-	-	-	-	-	-	420	2.092	2.064
7	-	-	-	-	-	-	-	-	-	420	2.297	2.259
8	-	-	-	-	-	-	-	-	-	420	2.508	2.458
9	-	-	-	-	-	-	-	-	-	420	2.748	2.687
10	-	-	-	-	-	-	-	-	-	420	3.013	2.939
11	-	-	-	-	-	-	-	-	-	420	3.320	3.232

Năm HĐ	Phí bảo hiểm được đóng			Phí ban đầu			Phí bảo hiểm phân bổ (Phí bảo hiểm đem đi đầu tư)			Phí quản lý Hợp đồng	Phí rủi ro (RR)	
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí bảo hiểm	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Tổng phí ban đầu	Phí BH phân bổ vào Giá trị tài khoản cơ bản	Phí BH phân bổ vào Giá trị tài khoản đóng thêm	Tổng Phí bảo hiểm phân bổ		Lãi suất cam kết	Lãi suất minh họa
12	-	-	-	-	-	-	-	-	-	420	3.643	3.580
Hợp đồng mất hiệu lực do GTTK không đủ cho các Khoản khấu trừ hàng tháng												

5.2. Minh họa Quyền lợi bảo hiểm theo Thời hạn đóng phí bắt buộc

5.2.1. Minh họa Quyền lợi ở mức Lãi suất cam kết

Đơn vị: nghìn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Tổng Phí bảo hiểm	Tổng Phí bảo hiểm phân bổ	Phí quản lý Hợp đồng	Phí RR của Sản phẩm Bảo hiểm Liên kết chung Người trụ cột	Khoản rút tiền		Quyền lợi tại Lãi suất cam kết (ĐẢM BẢO)				
						Rút tiền để đóng Phí BH của (các) Sản phẩm bán kèm	Rút tiền với mục đích khác	Quyền lợi bảo hiểm tử vong/ TTTBVV (*)	GTTK cơ bản	GTTK đóng thêm	Giá trị tài khoản	Giá trị hoàn lại
1	40	30.000	16.500	-	1.471	-	-	600.000	15.578	-	15.578	-
2	41	30.000	22.500	420	1.541	-	-	600.000	37.228	-	37.228	-
3	42	30.000	24.000	420	1.600	-	-	600.000	61.013	-	61.013	42.709
4	43	-	-	420	1.747	3.667	-	600.000	56.582	-	56.582	49.792
5	44	-	-	420	1.915	3.667	-	600.000	51.871	-	51.871	48.759
6	45	-	-	420	2.092	5.019	-	600.000	45.250	-	45.250	45.250
7	46	-	-	420	2.297	5.019	-	600.000	38.290	-	38.290	38.290
8	47	-	-	420	2.508	5.019	-	600.000	30.976	-	30.976	30.976
9	48	-	-	420	2.748	5.019	-	600.000	23.275	-	23.275	23.275
10	49	-	-	420	3.013	5.019	-	600.000	15.151	-	15.151	15.151

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Tổng Phí bảo hiểm	Tổng Phí bảo hiểm phân bổ	Phí quản lý Hợp đồng	Phí RR của Sản phẩm Bảo hiểm Liên kết chung Người trụ cột	Khoản rút tiền		Quyền lợi tại Lãi suất cam kết (ĐẢM BẢO)				
						Rút tiền để đóng Phí BH của (các) Sản phẩm bán kèm	Rút tiền với mục đích khác	Quyền lợi bảo hiểm tử vong/ TTTBVV (*)	GTTK cơ bản	GTTK đóng thêm	Giá trị tài khoản	Giá trị hoàn lại
11	50	-	-	420	3.320	6.817	-	600.000	4.658	-	4.658	4.658
12	51	-	-	420	3.643	-	-	600.000	619	-	619	619
Hợp đồng mất hiệu lực do GTTK không đủ cho các Khoản khấu trừ hàng tháng												

(*) Quyền lợi tử vong/ TTTBVV trong minh họa không bao gồm quyền lợi TTTBVV do ung thư tuyến giáp thể biệt hóa.

5.2.2. Minh họa Quyền lợi ở mức Lãi suất minh họa

Đơn vị: nghìn đồng

Năm HĐ	Tuổi NDBH	Tổng Phí bảo hiểm	Tổng Phí bảo hiểm phân bổ	Phí quản lý Hợp đồng	Phí RR của Sản phẩm Bảo hiểm Liên kết chung Người trụ cột	Khoản rút tiền		Quyền lợi tại Lãi suất minh họa (5,5%/năm cho 20 Năm HĐ đầu tiên, và 0,5%/năm từ Năm HĐ 21 trở đi) (KHÔNG ĐẢM BẢO)				
						Rút tiền để đóng Phí BH của (các) Sản phẩm bán kèm	Rút tiền với mục đích khác	Quyền lợi bảo hiểm tử vong/TTTBV V (*)	GTTK cơ bản	GTTK đóng thêm	Giá trị tài khoản	Giá trị hoàn lại
1	40	30.000	16.500	-	1.471	-	-	600.000	15.893	-	15.893	-
2	41	30.000	22.500	420	1.539	-	-	600.000	38.488	-	38.488	-
3	42	30.000	24.000	420	1.595	-	-	600.000	63.853	-	63.853	44.697
4	43	-	-	420	1.736	3.667	-	600.000	61.275	-	61.275	53.922
5	44	-	-	420	1.896	3.667	-	600.000	58.392	-	58.392	54.888
6	45	-	-	420	2.064	5.019	-	600.000	53.751	-	53.751	53.751
7	46	-	-	420	2.259	5.019	-	600.000	48.656	-	48.656	48.656
8	47	-	-	420	2.458	5.019	-	600.000	43.072	-	43.072	43.072
9	48	-	-	420	2.687	5.019	-	600.000	36.948	-	36.948	36.948

Năm HĐ	Tuổi NĐBH	Tổng Phí bảo hiểm	Tổng Phí bảo hiểm phân bổ	Phí quản lý Hợp đồng	Phí RR của Sản phẩm Bảo hiểm Liên kết chung Người trụ cột	Khoản rút tiền		Quyền lợi tại Lãi suất minh họa (5,5%/năm cho 20 Năm HĐ đầu tiên, và 0,5%/năm từ Năm HĐ 21 trở đi) (KHÔNG ĐẢM BẢO)				
						Rút tiền để đóng Phí BH của (các) Sản phẩm bán kèm	Rút tiền với mục đích khác	Quyền lợi bảo hiểm tử vong/TTTBV V (*)	GTTK cơ bản	GTTK đóng thêm	Giá trị tài khoản	Giá trị hoàn lại
10	49	-	-	420	2.939	5.019	-	600.000	30.227	-	30.227	30.227
11	50	-	-	420	3.232	6.817	-	600.000	20.938	-	20.938	20.938
12	51	-	-	420	3.580	6.817	-	600.000	10.780	-	10.780	10.780
Hợp đồng mất hiệu lực do GTTK không đủ cho các Khoản khấu trừ hàng tháng												

(*) Quyền lợi tử vong/ TTTBVV trong minh họa không bao gồm quyền lợi TTTBVV do ung thư tuyến giáp thể biệt hóa.

6. CHÚ Ý

- 6.1.** Nhằm đảm bảo các quyền lợi của Hợp đồng bảo hiểm như trong Tài liệu minh họa, Phí bảo hiểm cơ bản cần phải được đóng đầy đủ và đúng hạn trong suốt Thời hạn đóng phí dự kiến được lựa chọn. Ngoài ra, Số tiền bảo hiểm được giả định không đổi trong suốt Thời hạn minh họa được lựa chọn. Các Quyền lợi được minh họa tương ứng tại mức Lãi suất cam kết sẽ là các Quyền lợi đảm bảo nếu Bên mua bảo hiểm đóng phí đầy đủ, đúng hạn trong Thời hạn đóng phí bắt buộc hoặc Thời hạn đóng phí dự kiến và không có yêu cầu nào của Bên mua bảo hiểm làm thay đổi các số liệu minh họa.
- 6.2.** Giá trị hoàn lại là số tiền mà Khách hàng được nhận khi yêu cầu chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn, và được xác định bằng Giá trị tài khoản trừ đi Phí chấm dứt Hợp đồng trước hạn.
- 6.3.** Giá trị tài khoản cơ bản, Giá trị tài khoản đóng thêm, và các khoản Thưởng duy trì Hợp đồng được tính tại cuối Năm Hợp đồng. Giá trị tài khoản tại các phương án lãi suất đã bao gồm lịch rút tiền dự kiến (nếu có), các khoản Thưởng duy trì Hợp đồng (nếu có) và Quyền lợi Sống An (nếu có).
- 6.4.** Quyền lợi Nâng cao sẽ được tự động chuyển thành Quyền lợi Cơ bản khi Người được bảo hiểm đạt 66 tuổi.
- 6.5.** Khách hàng lưu ý tuân thủ các quy định theo Quy tắc, điều khoản sản phẩm để đảm bảo quyền và lợi ích của mình, đặc biệt là nghĩa vụ về đóng phí và kê khai thông tin. Việc giao kết hợp đồng bảo hiểm là một cam kết dài hạn, việc bên mua bảo hiểm chấm dứt hợp đồng bảo hiểm có thể dẫn đến việc không nhận lại được giá trị tương đương với khoản phí bảo hiểm đã đóng.
- 6.6.** Khách hàng còn được nhận các khoản Thưởng duy trì Hợp đồng định kỳ, Thưởng duy trì Hợp đồng đặc biệt và Quyền lợi Sống An như trong bảng dưới đây nếu Hợp đồng thỏa mãn điều kiện nhận Thưởng theo Quy tắc, điều khoản sản phẩm. Giá trị tài khoản trong Mục 4 đã bao gồm các khoản Thưởng duy trì Hợp đồng định kỳ (nếu có), Thưởng duy trì Hợp đồng đặc biệt (nếu có) và Quyền lợi Sống An (nếu có).

Đơn vị: nghìn đồng

Năm hợp đồng	Tại mức lãi suất cam kết	Tại mức lãi suất minh họa
10	3.000	3.000
15	6.000	6.000
20	9.000	9.000
25	12.000	12.000
27	90.000	90.000
30	15.000	15.000
35	30.000	30.000

6.7. Đối với giao dịch Rút tiền, STBH được minh họa với giả định Bên mua bảo hiểm yêu cầu giữ nguyên STBH khi rút tiền từ Giá trị tài khoản cơ bản và được MB Life chấp thuận.

sample

7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

- Tài liệu minh họa này nhằm giúp Khách hàng hiểu rõ hơn về Quyền lợi bảo hiểm và Phí bảo hiểm. Để biết thêm chi tiết, Khách hàng vui lòng đề nghị Chuyên viên tư vấn tư vấn thêm và/hoặc tham khảo Quy tắc, Điều khoản sản phẩm bảo hiểm tại website của công ty (www.mblife.vn).
- Khách hàng cũng có thể liên hệ với MB Life theo Hotline 024 2229 8888, Địa chỉ email dvkh@mblife.vn, hoặc Phòng Dịch vụ Khách hàng & Quản lý Hợp đồng - Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ MB Ageas - Tầng 16, Tòa nhà 21 Cát Linh, phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội.
- Các số liệu trong tài liệu minh họa này được xác định tại thời điểm minh họa và dựa trên giả định rằng, trong Thời hạn Hợp đồng Quý khách hàng thực hiện đầy đủ và đúng hạn các quy định về đóng phí và không có yêu cầu nào của Khách hàng làm thay đổi những số liệu trên.
- Phí rủi ro của (các) sản phẩm được minh họa trên đây có thể được thay đổi, theo phê chuẩn của Bộ Tài chính.
- Phí bảo hiểm, Phí rủi ro và Quyền lợi bảo hiểm được trình bày trên đây là mức áp dụng cho Người được bảo hiểm có điều kiện bảo hiểm tiêu chuẩn theo kết quả thẩm định Yêu cầu bảo hiểm. Phí bảo hiểm, Phí rủi ro, Quyền lợi bảo hiểm của Khách hàng có thể khác với minh họa ở trên, phụ thuộc vào kết quả thẩm định Yêu cầu bảo hiểm. Khi đó, những điều kiện, thỏa thuận liên quan sẽ được thông báo tới Khách hàng; và Hợp đồng sẽ chỉ được phát hành nếu Khách hàng chấp thuận những điều kiện, thỏa thuận này và đóng đủ Phí bảo hiểm bổ sung (nếu có).
- Khách hàng có thể chủ động xây dựng kế hoạch bảo hiểm cá nhân với công cụ tính toán bằng cách truy cập website công ty tại <https://www.mblife.vn/cong-cu-tinh-phi-bao-hiem>.

• **PHÍ BẢO HIỂM (DỰ KIẾN) CỦA SẢN PHẨM BÁN KÈM**

Khi (các) Sản phẩm Bảo hiểm Bệnh lý nghiêm trọng, Sản phẩm Bảo hiểm Hỗ trợ viện phí và chi phí phẫu thuật được tái tục, Phí bảo hiểm định kỳ sẽ được xác định lại tại (các) Ngày tái tục sản phẩm. Dưới đây là minh họa mức phí dự kiến trong 15 Năm hợp đồng đầu tiên, và ở thời điểm mỗi 5 năm sau đó.

Đơn vị: đồng

Đối với Người được bảo hiểm chính: Lê Văn A							
Năm Hợp đồng	Sản phẩm Bảo hiểm Bệnh lý nghiêm trọng		Sản phẩm Bảo hiểm Hỗ trợ viện phí và chi phí phẫu thuật		Năm Hợp đồng	Sản phẩm Bảo hiểm Bệnh lý nghiêm trọng	Sản phẩm Bảo hiểm Hỗ trợ viện phí và chi phí phẫu thuật
1	1.942.000		1.725.000		20	6.841.000	2.785.000
2	1.942.000		1.725.000		25	10.761.000	4.115.000
3	1.942.000		1.725.000		30	17.486.000	5.380.000
4	1.942.000		1.725.000		35	-	6.650.000
5	1.942.000		1.725.000		40	-	-
6	2.879.000		2.140.000		45	-	-
7	2.879.000		2.140.000		50	-	-
8	2.879.000		2.140.000		55	-	-
9	2.879.000		2.140.000		60	-	-
10	2.879.000		2.140.000		65	-	-
11	4.442.000		2.375.000		70	-	-
12	4.442.000		2.375.000		75	-	-
13	4.442.000		2.375.000		80	-	-
14	4.442.000		2.375.000		85	-	-
15	4.442.000		2.375.000		90	-	-

Lưu ý: Trong trường hợp Phí bảo hiểm của (các) Sản phẩm có thay đổi khi tái tục, MB Life sẽ thông báo mức phí mới cho Bên mua bảo hiểm trước thời điểm tái tục.

XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM

Tôi, Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm ký tên dưới đây, xác nhận đã được Chuyên viên tư vấn của MB Life có Tên và Mã số đại lý/Số chứng chỉ đại lý như trong tài liệu này giải thích và tư vấn rõ ràng, đầy đủ về Tài liệu minh họa cũng như Quy tắc, Điều khoản SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG NGƯỜI TRỤ CỘT và các sản phẩm bán kèm. Tôi cũng xác nhận đã đọc và hiểu rõ các nội dung của Tài liệu minh họa này, kể cả các lưu ý, các đặc điểm, quyền lợi và trách nhiệm của Tôi khi tham gia bảo hiểm.

Chữ ký: _____
Họ và tên: Lê Văn A
Ngày/tháng/năm: _____

XÁC NHẬN CỦA CHUYÊN VIÊN TƯ VẤN BẢO HIỂM

Tôi, Chuyên viên tư vấn ký tên dưới đây, cam kết đã giải thích và tư vấn rõ ràng, đầy đủ cho Bên mua bảo hiểm về nội dung Tài liệu minh họa cũng như Quy tắc, Điều khoản SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG NGƯỜI TRỤ CỘT và các sản phẩm bán kèm.

Chữ ký: _____
Họ và tên: Dummy Digital
Ngày/tháng/năm: _____